

Bản án số: 157/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Lâm Tự

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Hồng Diễm**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2025/QĐXX-DS ngày 06 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2).

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A A, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng:

1. Anh Đặng Nhật D – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. (vắng mặt)
2. Ông Phạm Văn K – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. (có mặt)
3. Ông Ngô Thanh V1 – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. (vắng mặt).
4. Ông Trần Thiện D1 – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. (vắng mặt)

Địa chỉ nhận văn bản: Số A Khu A, đường Q, Trung tâm Thương mại P, Khu V, Phường P, Thành phố Cần Thơ. (theo văn bản uỷ quyền ngày 05/08/2025).

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2025 và tại phiên tòa người đại diện theo

ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn K, trình bày:

Ngày 24/12/2021 Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V2) ký kết hợp đồng tín dụng 4897092.21, hợp đồng thế chấp tài sản số 1632477.21 với bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H tại Hợp đồng tín dụng số 4897092.21 thỏa thuận VIB cho bà Đ và ông H vay số tiền 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*). Mục đích cho vay để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY. Thời hạn vay 72 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 27/12/2027. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm (lãi suất ưu đãi so với lãi suất thông thường) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 25/01/2022, mỗi kỳ trả 8.750.000 đồng. Trả phí theo quy định của V2 từng thời kỳ. Thực hiện hợp đồng V2 đã giải ngân cho bà Đ và ông V1 theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 4897092.21 ngày 27/12/2021 với số tiền 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*).

Tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1632477.21 ngày 24/12/2021 bà Đ và ông H đã thế chấp tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY, biển kiểm soát 83H.003.39, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vận tải: Giấy hẹn do Phòng C Công an tỉnh S cấp ngày 23/12/2021 (bản gốc). Xe hiện do các bị đơn đang quản lý, sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đ và ông H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho V2. Bà Đ và ông H thanh toán được cho VIB 315.000.000 đồng tiền nợ gốc và 185.637.261 đồng tiền lãi. Khoản vay quá hạn thanh toán từ ngày 25/01/2025. Sau khi phát sinh nợ quá hạn V2 đã đơn đốc tạo điều kiện cho bà Đ và ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên họ không thực hiện, trốn tránh gây ảnh hưởng đến quyền lợi của V2. Do vậy VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ và ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến ngày 30/9/2025 bà Đ và ông H còn nợ VIB số tiền 309.158.150 đồng, trong đó nợ gốc là 262.788.584 đồng, nợ lãi trong hạn là 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng và yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Đ và ông H có nghĩa vụ thanh toán cho VIB số tiền tính đến ngày 30/9/2025 số tiền 309.158.150 đồng, trong đó nợ gốc là 262.788.584 đồng, nợ lãi trong hạn là 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Đ và ông H không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì VIB được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY, biển kiểm soát 83H.003.39, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83H-003.39 do phòng C công an tỉnh S cấp ngày 23/12/2021.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ, trình bày:

Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2), trước đây vợ chồng tôi có vay tiền của Ngân hàng để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY, biển kiểm soát số 83H-003.39, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83002927 do phòng cảnh sát giao thông tỉnh C cấp ngày 23/12/2021, xe ô tô hiện do vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên sau khi vay thì vợ chồng tôi cũng có trả nợ cho ngân hàng được một số tiền thì do làm ăn khó khăn nên trả nợ cho ngân hàng không đúng như thoả thuận trong hợp đồng và hiện nay còn nợ lại số tiền như ngân hàng đã kiện tạm tính đến ngày 30/9/2025 còn nợ VIB số tiền 309.158.150 đồng, trong đó nợ gốc là 262.788.584 đồng, nợ lãi trong hạn là 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng là đúng, tôi sẽ thoả thuận với Ngân hàng để có phương án thanh toán nợ sớm nhất cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Nguyễn Vũ H vắng mặt không có trình bày ý kiến.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Đ và ông H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) số tiền tính đến ngày 30/9/2025 tổng cộng 309.158.150 đồng, trong đó nợ gốc là 262.788.584 đồng, nợ lãi trong hạn là 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/10/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn được hoàn trả án phí, bị đơn phải nộp toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa V2 và bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự:

Bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 309.158.150 trong đó nợ gốc là 262.788.584 và nợ lãi trong hạn 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng, buộc bà Đ và ông H phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán

xong toàn bộ các khoản nợ cho VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án thể hiện có nợ VIB tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày.

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 4897092.21 ngày 24/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng V2 và bà Đ, ông H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ và ông H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ gốc và lãi trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Đ, ông H vẫn không có thiện chí trả nợ vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Tạm tính đến ngày xét xử 30/9/2025 nợ 309.158.150 đồng, trong đó nợ gốc là 262.788.584 đồng và nợ lãi trong hạn 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng. Do bà Đ và ông H vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng V2 đã khởi kiện tại Tòa án. Việc khởi kiện của Ngân hàng V2 yêu cầu Tòa án buộc bà Đ và ông H phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Đối với khoản tiền lãi mà VIB tạm tính đến ngày 30/9/2025 trong đó nợ lãi là nợ lãi trong hạn 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng. Do bà Đ và ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V2 đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn từ ngày **25/01/2025** và buộc bà Đ và ông H phải trả lãi, lãi quá hạn. Việc Ngân hàng V2 áp dụng mức lãi suất và đề nghị bà Đ và ông H phải trả là phù hợp với Mục 2.4 Hợp đồng tín dụng, M 2.6 Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4897092.21 ngày 24/12/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ **số 4897092.21 ngày 27/12/2021** cho đến khi bà Đ và ông H thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Xét Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1632477.21 ngày 24/12/2021 giữa Ngân hàng V2 và bà Đ và ông H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành thẩm định tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY, biển kiểm soát 83H.003.39 tuy nhiên xe do các bị đơn đang quản lý, sử dụng đi làm ăn xa không mang về cho Tòa án tiến hành thẩm định. Căn cứ vào hợp đồng thế chấp đã ký kết nếu trong trường hợp bà Đ và ông H không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì VIB được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô

nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY, biển kiểm soát 83H.003.39, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83002927 do phòng C công an tỉnh S cấp ngày 23/12/2021 là đúng theo quy định.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2 được chấp nhận nên bị đơn Đ và ông H phải chịu án phí 5% trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn ($309.158.150 \text{ đồng} \times 5\% = 15.457.907 \text{ đồng}$) theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng VIB tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.111.017 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001929 ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Cần Thơ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 282, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H. Buộc bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 309.158.150 đồng, trong đó nợ gốc là 262.788.584 đồng, nợ lãi trong hạn 264.648 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.104.918 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/10/2025) các bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4897092.21 ngày 24/12/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ **số 4897092.21 ngày 27/12/2021** cho đến khi bà Đ và ông H thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Đ và ông Nguyễn Vũ H phải chịu án phí số tiền 15.457.907 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng VIB tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.111.017 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001929 ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Cần Thơ).

Trong trường hợp bà Đ và ông H không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì có nghĩa vụ giao 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại MIGHTY, biển kiểm soát 83H.003.39, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83002927 do phòng C công an tỉnh S cấp ngày 23/12/2021 cho cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV7 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Tuyết Kha